TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 554/2024/DS-PT
Ngày: 20/11/2024
V/v tranh chấp " Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Võ Tấn Dũ**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp:" *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 437/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thành M, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ông Trần Đăng K, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2024). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1959; (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; (có đơn xin vắng mặt)

2.3. Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1980; (có mặt)

2.4. Ông Trần Hoàng Q, sinh năm 1981; (có đơn xin vắng mặt)

2.5. Ông Trần Thanh N, sinh năm 1984; (có đơn xin vắng mặt)

2.6. Ông Trần Thanh V, sinh năm 1994; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Hồng D, sinh năm 1992; (có mặt)

Địa chỉ: Số H, đường số A, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3. 2. Văn phòng C.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Hoàng K1 – Trưởng phòng Văn phòng C. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 25/5/2023, ông Võ Thành M và hộ ông Trần Văn H gồm: ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N, ông Trần Thanh V có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.223 m^2, địa chỉ thửa đất: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, do Văn phòng C chứng nhận có số công chứng 02564, quyển số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/5/2023 là hợp đồng giả tạo mục đích để thực hiện hợp đồng vay tài sản với số tiền vốn vay 2.000.000.000 đồng với lãi suất hai bên thỏa thuận với nhau là 3%/ tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi nên phát sinh tranh chấp.

Do vậy ông Võ Thành M khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 25/5/2023 được giao kết giữa ông Võ Thành M và hộ ông Trần Văn H gồm: ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N, ông Trần Thanh V đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.223 m^2; địa chỉ thửa đất: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là vô hiệu do giả tạo và ông M yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng tính từ ngày vay là ngày 25/5/2023 cho đến ngày xét sơ thẩm tính tròn là 13 tháng tiền lãi.

Khi nào phía bị đơn trả đủ tiền cho phía nguyên đơn thì phía nguyên đơn sẽ trả lại cho phía bị đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số vào sổ

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03522 cấp ngày 14/01/2008 đứng tên hộ ông Trần Văn H.

**** Bị đơn ông*** Trần Văn H***, bà*** Trần Thị Thanh T***, ông*** Trần Thanh V ***trình bày:***

Các ông, bà thừa nhận, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 25/5/2023 do Văn phòng C chứng nhận có số công chứng 02564, quyển số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD được giao kết giữa ông Võ Thành M và hộ ông Trần Văn H gồm: ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N, ông Trần Thanh V đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.223 m^2; địa chỉ thửa đất: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là hợp đồng giả tạo mục đích để che đậy hợp đồng vay tài sản, số tiền vốn vay 2.000.000.000 đồng với lãi suất hai bên thỏa thuận với nhau là 3%/ tháng, thời hạn vay 03 tháng, trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên sau khi vay tiền, kinh tế gia đình gặp khó khăn nên không trả tiền vốn và lãi đúng hạn cho ông M như đã thỏa thuận.

Do vậy, phía bị đơn cũng đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 25/5/2023 do Văn phòng C chứng nhận có số công chứng 02564, quyển số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD được giao kết giữa ông Võ Thành M và hộ ông Trần Văn H gồm: ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N, ông Trần Thanh V đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.223 m^2; địa chỉ thửa đất: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là vô hiệu do giả tạo. Phía bị đơn cũng đồng ý trả cho phía nguyên đơn ông M số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng. Hiện nay do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin trả lãi suất là 10%/năm tính từ ngày vay là ngày 25/5/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và xin thời hạn trả trong vòng 06 tháng. Thống nhất khi nào phía bị đơn trả đủ tiền thì ông M phải trả lại cho phía bị đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03522 cấp ngày 14/01/2008 đứng tên hộ ông Trần Văn H.

** **Bị đơn bà*** Nguyễn Thị P***, ông*** Trần Hoàng Q***, ông*** Trần Thanh N ***không có ý kiến.***

Bản án sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, 131, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thành M.

1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 25/5/2023 do Văn phòng C chứng nhận có số công chứng 02564, quyển số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD được giao kết giữa ông Võ Thành M và hộ ông Trần

Văn H gồm: ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N, ông Trần Thanh V đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.223 m^2; địa chỉ thửa đất: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là vô hiệu do giả tạo.

2. Buộc bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Thành M số tiền là 2.431.600.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng và số tiền lãi là 431.600.000 đồng). Khi bị đơn trả đủ tiền cho phía nguyên đơn ông M phải có nghĩa vụ trả lại cho phía bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03522 cấp ngày 14/01/2008 đứng tên hộ ông Trần Văn H.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 22/7/2024, ông Trần Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V trả cho ông Võ Thành M số tiền vốn vay là 2.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lải suất 10%/năm tính từ ngày 25/5/2023.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án DSST.

- Bị đơn Trần Văn H thay đổi yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả số tiền lãi cho ông Võ Thành M theo mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm), tính từ ngày 25/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu Tòa án xem xét miễn án phí cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị P do ông bà thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn H đồng ý trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng và xin xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Văn H. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C, miễn án phí DSST cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét các bị đơn Nguyễn Thị P, Trần Hoàng Q, Trần Thanh N, Người có QLNVLQ là người không có kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét Đơn kháng cáo đương sự nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp:“ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản” là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo bị đơn Trần Văn H thay đổi tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét các đương sự đều thừa nhận: hai bên có giao kết hợp đồng vay tài sản, nội dung ông Võ Thành M cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V vay số tiền vốn là 2.000.000.000 đồng ngày 25/5/2023 và thỏa thuận mức lãi suất 3%/ tháng, thời hạn vay 03 tháng, trả lãi hàng tháng; Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi; Các giấy mượn tiền ngày 25/9/2023 và ngày 24/10/2023, ông Trần Thanh V ghi nợ chị Võ Thị Hồng D là nợ số tiền lãi của khoản vay 2.000.000.000đồng của ông Võ Thành M chưa trả, chứ không phải là khoản nợ độc lập. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định tình tiết nêu trên là đúng sự thật.

Xét hợp đồng vay tài sản được các bên giao kết là hợp đồng vay có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất. Thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đủ năng lực; hoàn toàn tự nguyện; mục đích giao dịch không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm (1,66%/tháng). Do vậy, mức lãi suất vượt quá giới hạn không phát sinh hiệu lực. Quá trình giải quyết vụ án, ông M cyêu cầu các bị đơn phải trả số tiền vốn vay 2.000.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi xuất 1,66%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ và phù

hợp quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc các bị đơn phải trả cho ông M số tiền lãi từ ngày vay 25/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/7/2024 làm tròn 13 tháng, theo mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm), thành tiền 431.600.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn H đồng ý trả số tiền lãi cho ông Võ Thành M theo mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm), tính từ ngày 25/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm; thống nhất không tranh chấp về số tiền lãi trước đây đã trả. Xét ý kiến của ông H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bản án dân sự sơ thẩm buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 80.932.000 đồng (nghĩa vụ mỗi người tương đương 13.488. 000đồng).

Xét quá trình xét xử phúc thẩm, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị P có đơn xin miễn án phí. Lý do ông H, bà P thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận, miễn án phí DSST cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm (phần án phí).

Các nội dung khác của bản án dân sự sơ thẩm, các bên đương sự đã đồng ý và không có kháng cáo, hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 124, Điều 131, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H. Sửa một phần (về án phí) Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thành M.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 25/5/2023 do Văn phòng C chứng nhận có số công chứng 02564, quyển số 03/2023TP/CC-

SCC/HĐGD được giao kết giữa ông Võ Thành M và hộ ông Trần Văn H gồm: ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N, ông Trần Thanh V đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.223 m^2; địa chỉ thửa đất: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là vô hiệu do giả tạo.

- Buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Thành M số tiền là 2.431.600.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng và số tiền lãi là 431.600.000 đồng). Thời hạn thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Ghi nhận khi ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho ông Võ Thành M thì ông M phải có nghĩa vụ trả lại cho phía ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03522 cấp ngày 14/01/2008 đứng tên hộ ông Trần Văn H.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị P;

Buộc bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Hoàng Q, ông Trần Thanh N và ông Trần Thanh V phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.956.000 đồng.

H1 lại cho ông Võ Thành M số tiền 600.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004647 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Nhàn